

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 238/2023/DS-GĐT

Ngày: 21/9/2023

V/v Tranh chấp HĐ vay tài sản;
HĐCNQSD đất và tranh chấp di
sản thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

09/12 thành viên tham gia xét xử, do ông Võ Văn Cường – Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh làm chủ tọa phiên tòa, theo ủy nhiệm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Thẩm tra viên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tranh chấp di sản thừa kế*” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Số 232 NTT, khu phố 11, phường DD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Ngô Thị Thu H2, sinh năm 1990 (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/9/2022).

Địa chỉ: 248/19/11 NVK, Phường 9, quận GV, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Minh H3, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị Tô Phạm Yến N1, sinh năm 2003.

Địa chỉ: Ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đặng Minh T1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp CTT, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

3.2. Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1988.

3.3. Bà Phạm Thị Mỹ H4, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện ủy quyền của bà T2, bà H4: Ông Nguyễn Chí N2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

3.4. Văn phòng công chứng PQ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn L1 - Chức vụ: Trưởng Văn phòng.

Địa chỉ: số 183 đường 30/4, Khu phố 1, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

3.5. Bà Trần Thị L2, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

3.6. Ông Võ Anh T3, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 232 NTT, khu phố 11, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thư: Ông Võ T4, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

3.7. Ông Đỗ Văn M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

3.8. Bà Nguyễn Thị Ngọc H5, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu phố 5, phường DĐ, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện ủy quyền của bà H5: Ông Đặng Minh T1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp CTT, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị H1 do người đại diện theo ủy quyền là bà Ngô Thị Thu H2 trình bày:

Do nhu cầu cần vốn để kinh doanh, ngày 17/10/2019 (âm lịch) nhằm ngày 13/11/2019 dương lịch, ông Phạm Minh H3 vay bà H1 số tiền 25.000.000.000 đồng và thế chấp bằng hình thức chuyển nhượng cho bà H1 diện tích 13.602,2m² thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ 39 tọa lạc Ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Ngày 12/12/2019 (âm lịch) nhằm ngày 06/01/2020

dương lịch, ông H3 vay thêm 2.000.000.000 đồng và ngày 18/02/2020 (âm lịch) nhằm ngày 11/3/2020 dương lịch tiếp tục vay thêm 1.844.000.000 đồng, tổng cộng là 28.844.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng sau đó xuống 2%/tháng nhưng ông H3 vẫn không trả và hứa hẹn nhiều lần nên ngày 25/9/2021 bà H1 đã gửi văn bản yêu cầu trả tiền vay và tiền lãi với mức 20%/năm (tương đương 1,6%/tháng) để tạo điều kiện thuận lợi cho ông H3 thanh toán.

Ngày 10/10/2021 là thời hạn cuối cùng để thanh toán tiền gốc và lãi vay nhưng ông H3 cũng không thanh toán cho bà H1. Nhằm mục đích lấy lại tiền cho vay và tiền lãi theo quy định, bà H1 thống nhất hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 12/11/2019 tại Văn phòng công chứng PQ giữa bà H1 với ông H3 về chuyển nhượng diện tích 13.602,2m² thuộc thửa đất số 24 nêu trên do đây là hợp đồng để làm tin cho hợp đồng vay tiền. Bà H1 xác nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do bà đang giữ, bà không thực hiện bất cứ giao dịch chuyển quyền, thế chấp hay giao dịch dân sự gì liên quan đến phần đất này.

Nay bà H1 đề nghị Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng ông H3, bà L2 trả cho bà 28.844.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 11/3/2020 đến khi xét xử ngày 23/5/2022, tổng cộng là 41.483.440.800 đồng; thống nhất yêu cầu phản tố hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H3, nhưng không đồng ý yêu cầu phản tố của ông H3 về yêu cầu bà trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi nào ông H3 trả đủ tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện cho bà H1 thì bà H1 sẽ làm thủ tục chuyển nhượng lại cho ông H3 vì để đảm bảo việc thi hành án; không đồng ý yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà T2, bà H4, chị N1, bà H5 do thời điểm cho vay và làm thủ tục ký chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông H3 thì không biết được các giao dịch này và việc ông H3 có vay tiền bà thì gia đình ông H3 đều biết.

Bị đơn ông Phạm Minh H3 trình bày: Ông H3 thừa nhận vay tiền, thỏa thuận lãi suất cũng như thế chấp thông qua việc lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như bà H1 trình bày. Tuy nhiên, nguồn gốc quyền sử dụng đất 13.602,2m² đã lập hợp đồng chuyển nhượng cho bà H1 là ông H3 chỉ đứng tên đại diện cho hộ gia đình, cha là ông Phạm Tấn L chết ngày 26/12/2017, có 04 người con ruột gồm: ông H3, bà Phạm Thị Mỹ H4; bà Phạm Thị T2, bà Phạm Thị Ánh N3, bà N3 chết ngày 11/3/2015, có con là cháu Tô Phạm Yến N1. Trên thửa đất hiện nay có tồn tại nhà và nhà trọ của bà H4, nhà bà T2, nhà từ đường do ông H3 đang quản lý và khu mồ mả của ông bà, tất cả tài sản này do ông đứng tên đại diện. Do cha chết không để lại di chúc nên gia đình thống nhất để ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để quản lý nhà đất và nhà từ đường, khi nào cháu N1 đủ 18 tuổi thì mới phân chia tài sản thừa kế.

Nay ông đồng ý trả cho bà H1 41.483.440.800 đồng tiền gốc và lãi; Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H3 với bà H1 do Văn phòng công chứng PQ lập ngày 12/11/2019 đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ 39 diện tích 13.602,2m²; Buộc bà H1 hoàn trả lại cho ông H3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN809613.

Ông H3 thống nhất các yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà T2, bà H4, bà N1, bà H5.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L2 thống nhất với ý kiến của ông H3, không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Anh T3 thống nhất các ý kiến, yêu cầu của bà H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Mỹ H4 và bà Phạm Thị T2 do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của ông H3, ngoài ra còn trình bày thêm: Theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 19889 lập ngày 05/12/2018 tại Văn phòng công chứng PQ, gia đình thống nhất đợi cháu N1 đủ 18 tuổi thì mới phân chia tài sản thừa kế ông L chết để lại. Việc ông H3 chỉ là người đứng tên đại diện còn thể hiện rất rõ vào ngày 10/12/2018 ông H3 cùng bà T2 ký xác nhận cho bà T2 chuyển nhượng 500m² phần đất của bà T2 được hưởng cho bà Nguyễn Thị Ngọc H5.

Hiện nay bà H4, bà T2 phát hiện ông H3 ký hợp đồng chuyển nhượng với bà H1 làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích của bà H4, bà T2 vì phần di sản này trước đây ông L đã cho bà H4, bà T2 xây dựng nhà cửa kiên cố trên đất, sinh sống ổn định. Nay bà H4, bà T2 đề nghị Tòa án Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 8201 do Văn phòng công chứng PQ lập ngày 12/11/2019 giữa ông H3 với bà H1 đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ 39 diện tích 13.602,2m² do UBND huyện PQ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/12/2009; Hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 19889 do Văn phòng công chứng PQ lập ngày 05/12/2018 đối với thửa đất số 24, tờ bản đồ 39 diện tích 13.602,2m² do UBND huyện PQ cấp ngày 08/12/2009; Công nhận cho bà H4, bà T2 mỗi người một phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, diện tích là $\frac{1}{4}$ trong tổng diện tích 13.602,2m² đất tương đương 3.400m², theo đo đạc tích thực tế là 13.476,5m² (thửa số 2) nhưng vào ngày 10/12/2018 bà T2 đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc H5 500m² trong phần đất bà T2 được hưởng, nay tiếp tục chuyển nhượng cho bà H5 vì đã nhận đủ tiền và giao phần đất này cho bà H5 quản lý, sử dụng. Do vậy phần đất còn lại bà T2 được yêu cầu nhận là $3.138,7\text{m}^2 - 500\text{m}^2 = 2.638,1\text{m}^2$.

Bà H4, bà T2 thống nhất chừa phần diện tích 642,9m² thuộc thửa số 06 của Tờ trích đo làm con đường đi vào phía trong đất còn lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Phạm Yến N1 do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Về nguồn gốc đất thống nhất theo lời trình bày của bà H4, bà T2 và ông H3. Do ông H3 và bà H4, bà T2 đã kê khai thừa kế vào năm 2018 và tặng cho ông H3 toàn bộ tài sản chung theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 19889 lập tại Văn phòng công chứng PQ, trong đó có phần thừa kế của mẹ bà mà bà được hưởng nên bà đề nghị Tòa án Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng ngày 12/11/2019 đối với thửa đất 24, tờ bản đồ 39 diện tích 13.602,2m² giữa ông H3 với bà H1; Hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 19889 do Văn phòng công chứng PQ lập ngày 05/12/2018; Công nhận cho bà một phần di sản thừa kế là 3.138,1m² đất trong tổng diện tích thực tế là 13.476,5m².

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn M thống nhất toàn bộ ý kiến của bà H4, toàn bộ ý kiến, yêu cầu do bà H4 quyết định, ông M không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H5 do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 10/12/2018, bà H5 có ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bằng giấy tay với bà Phạm Thị T2 diện tích 500m² nằm trong diện tích 13.602,2m² thuộc thửa số 24; tờ bản đồ số 39, tọa lạc Ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang, là tài sản của ông L chết để lại cho chị em bà T2 với giá là 2.000.000.000 đồng, ngang mặt tiền đường Cây Thông Ngoài 5,41m ngang, hậu 13,85m; cạnh giáp nhà từ đường dài 54,87m; cạnh giáp đường 4m dài 53,56m. bà H5 đã thanh toán đủ tiền và nhận đất quản lý sử dụng, sau đó ông H3 có xin bà được cất nhà tạm để xe. Nay bà H5 phát hiện phần đất này đang bị tranh chấp nên bà đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên; Công nhận cho bà H5 được quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất diện tích 500m² này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Văn phòng công chứng PQ do ông Nguyễn Văn L1 làm đại diện theo pháp luật trình bày:

Đối với văn bản thỏa thuận phân chia di sản công chứng số 19889, quyền số 20TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2018. bà T2, bà H4 và ông H3 tự khai và cung cấp hồ sơ, Văn phòng công chứng PQ đã tiến hành niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Ủy ban nhân dân xã CD theo quy định của pháp luật. Đến ngày 05/12/2018, sau khi đã tiến hành niêm yết 15 ngày, được Ủy ban nhân dân xã CD xác nhận không có người khiếu nại Văn phòng công chứng PQ đã công chứng văn bản thỏa thuận phân chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 8201, quyền số 09TP/CC – SCC/HĐGD ngày 12/11/2019, Văn phòng công chứng PQ có tiếp nhận hồ sơ của ông H3 và bà H1 yêu cầu công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 39, diện tích 13.602,2m² tại Ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 809613. Căn cứ Điều 40, 41, 57 Luật Công chứng 2014 và Điều 18 Nghị định 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định, Công chứng viên Văn phòng công chứng PQ đã tiến hành công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H1 với ông H3 nêu trên theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1. Buộc ông H3 và bà L2 liên đới hoàn trả cho bà H1 28.844.000.000đ nợ gốc và 12.449.070.400đ tiền lãi, tổng cộng 41.483.440.800 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H3 và chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H4, bà T2, bà N1. Tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 8201 ngày 12/11/2019 tại Văn phòng công chứng PQ đối với phần đất diện tích 13.602,2m² thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ 39, tọa lạc Ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang giữa ông H3 và bà H1 là vô hiệu do giả tạo.

Buộc bà H1 giao trả cho ông H3 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số AN 809613 do UBND huyện PQ cấp ngày 08/12/2009 hiện đã chỉnh lý sang tên bà H1 ngày 25/12/2019.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H4, bà T2, bà N1 về tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế công chứng số 19889 ngày 05/12/2018 tại Văn phòng công chứng PQ đối với phần đất diện tích 13.602,2m² thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ 39, tọa lạc ấp CTN, xã CD, thành phố PQ vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H4, bà T2, bà N1 về được nhận một phần di sản thừa kế đối với phần đất diện tích 13.602,2m² nêu trên, đo đạc thực tế là 13.438,3m², cụ thể: bà H4 được nhận 3.138,7m² (thửa số 01); bà T2 được nhận 3.138,1m² (thửa số 2); bà N1 được nhận 3.138,1m² (thửa số 3); ông H3 được nhận 3.142,7m² (thửa số 4) theo theo tờ trích đo địa chính số 526 ngày 25/4/2022;

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H5 về công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà H5 với bà T2 xác lập ngày 10/12/2018, đối với phần đất có diện tích 500m².

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T2 về giao cho bà H5 tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất 500m² (thửa số 5 theo tờ trích đo địa chính số 526 ngày 25/4/2022).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H3, bà T2, bà H4 và bà N1 về việc chừa con đường đi từ lộ CTN, xã CD để đi vào khu nhà mồ gia đình và đi vào trong đất diện tích 642,9m² (theo tờ trích đo địa chính số 526 ngày 25/4/2022).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 202/2022/DS-PT ngày 03/10/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định (tóm tắt):

Không chấp nhận kháng cáo của bà H1 và ông Thư. Sửa bản án dân sự sơ thẩm. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1. Buộc ông H3 và bà L2 liên đới hoàn trả cho bà H1 28.844.000.000 đồng nợ gốc và 12.640.595.000 đồng tiền lãi, tổng cộng 41.484.595.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông H3 và yêu cầu độc lập của bà H4, bà T2 và bà N1. Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất công chứng số 8201 ngày 12/11/2019 tại Văn phòng công chứng PQ đối với phần đất diện tích 13.602,2m² thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ 39, tọa lạc ấp CTN, xã CD, thành phố PQ, Kiên Giang do ông H3 và bà H1 xác lập là vô hiệu do giả tạo. Buộc bà H1 giao trả cho ông H3 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 809613 diện tích 13.602,2m² thửa đất số 24, tờ bản đồ 39 do UBND huyện PQ cấp ngày 08/12/2009. Trường hợp bà H1 không giao thì ông H3 có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H4, bà T2 và bà N1. Tuyên bố văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế công chứng số 19889 ngày 05/12/2018 tại Văn phòng công chứng PQ đối với diện tích 13.602,2m² thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ 39 vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H4, bà T2, bà N1 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế”: Bà H4 được nhận 3.138,7m² (thửa số 01); bà T2 được nhận 3.138,1m² (thửa số 2); ông H3 được nhận 3.138,1m² (thửa số 3); bà N1 được nhận 3.142,7m² (thửa số 4) theo tờ trích đo địa chính số 526 ngày 25/4/2022 có số đo cụ thể.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H5 về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với bà T2 xác lập ngày 10/12/2018 đối với phần đất có diện tích 500m². Ghi nhận sự tự nguyện của bà T2 giao cho bà H5 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất 500m² nằm trong diện tích đất 13.602,2m² thửa

đất số 24, tờ bản đồ 39 (thửa số 5) theo tờ trích đo địa chính số 526 ngày 25/4/2022 có số đo cụ thể.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H3, bà T2, bà H4 và bà N1 về việc chừa con đường đi từ ngoài lộ CTN, xã CD để đi vào khu nhà mồ gia đình và đi vào trong đất diện tích 642,9m² (thửa số 6) theo tờ trích đo địa chính số 526 ngày 25/4/2022 có số đo cụ thể.

Ngày 09/01/2023, bà Huỳnh Thị H1 có đơn đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án phúc thẩm nêu trên.

Tại quyết định số 91/QĐ-VKS-DS ngày 24/4/2023 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 202/2022/DS-PT ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ bản án phúc thẩm nêu trên để xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn bà H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc vợ chồng bị đơn ông H3, bà L2 trả cho bà H1 28.844.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi theo lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 11/3/2020 đến khi xét xử ngày 23/5/2022, tổng cộng là 41.483.440.800 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông H3 thừa nhận có vay và đồng ý trả toàn bộ số tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của bà H1. Do vậy, bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông H3 đã thế chấp cho bà H1 quyền sử dụng đất thông qua việc xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 24, tờ bản đồ 39 diện tích 13.602,2m² do ông H3 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng PQ vào ngày 12/11/2019. Quá trình giải quyết vụ án, ông H3 và bà H1 đều thừa nhận thực tế không có việc chuyển nhượng, ông H3 không bàn giao và bà H1 cũng không nhận diện tích đất này để quản lý, sử dụng. Căn cứ Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất này vô hiệu do giả tạo, ông H3 trả lại tiền vay cho bà H1 và bà H1 trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H3 là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Riêng đối với yêu cầu di sản thừa kế thấy rằng: Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các bên đều thể hiện, thửa đất số 24 nêu trên là tài sản riêng của ông Phạm Tấn L (cha của ông H3) chết để lại không có di chúc. Hàng thừa kế của ông L gồm có 04 người con gồm ông H3, bà Phạm Thị Mỹ H4, bà Phạm Thị T2, bà Phạm Thị Ánh N3, bà N3 chết ngày 11/3/2015, có con là bà Tô Phạm Yến N1. Tuy nhiên, ngày 05/12/2018, bà H4, bà T2 và ông H3 đã ký văn bản thỏa thuận phân chia di sản tại Văn phòng công chứng PQ, cam kết không bỏ sót người thừa kế, không giấu người thừa kế, nếu sau này có ai khác chứng minh họ là người thừa kế hợp pháp của ông L thì các ông, bà sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và xin đem tài sản riêng của mình để đảm bảo, đồng thời bà H4 và bà T2 đã thống nhất tặng cho toàn bộ di sản mà hai bà được hưởng cho ông H3 toàn quyền quyết định. Căn cứ hồ sơ khai nhận di sản, Văn phòng công chứng PQ đã tiến hành niêm yết theo đúng quy định của pháp luật và không nhận được bất kỳ khiếu nại, tranh chấp gì nên ông H3 đã đăng ký, kê khai và được cấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Tòa án hai cấp nhận định Văn bản thỏa thuận phân chia di sản đã vi phạm điều cấm của pháp luật do khi lập hồ sơ thỏa thuận phân chia di sản đã không kê khai, thông báo cho bà N1 biết, cũng như che giấu thông tin không thông báo cho Văn phòng công chứng PQ về hàng thừa kế còn lại được hưởng, từ đó vô hiệu toàn bộ thỏa thuận phân chia di sản thừa kế này theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Dân sự năm 2015 và tiến hành chia di sản thừa kế cho các đồng thừa kế của ông L (trong khi bà T2, bà H4 đã từ chối di sản và sự từ chối này đã phát sinh hiệu lực pháp luật) là chưa đánh giá toàn diện tài liệu, chứng cứ.

[4]. Hơn nữa, ngày 11/02/2021, bà V, bà H4, bà T2, ông H3 đã ký biên bản cam kết giữa hai bên, nội dung thể hiện gia đình các ông, bà đang nợ bà H1 số tiền 37.500.000.000 đồng và đồng ý hẹn đến ngày 11/8/2021 AL, các ông, bà sẽ cùng trả cho bà H1 khoản nợ trên (BL 35). Trong trường hợp này, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm phải công nhận một phần văn bản thỏa thuận phân chia di sản nêu trên, xác định di sản thừa kế được chia thành 04 phần bằng nhau, trong đó bà N1 được hưởng 01 phần, 03 phần còn lại do bà T2, bà H4 đã tự nguyện tặng phần của mình cho ông H3 toàn quyền quyết định nên tiếp tục giao cho ông H3 được hưởng để đảm bảo cho việc ông H3 còn tài sản thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H1, hoặc căn cứ khoản 1 Điều 662 Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định bà T2, bà H4, ông H3 đã tự phân chia di sản xong, được pháp luật công nhận thì không phân chia lại di sản bằng hiện vật cho bà N1 mà cần buộc ông H3 là người được giao bộ di sản thừa kế phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà N1 một khoản tiền tương ứng với phần di sản lẽ ra bà N1 được hưởng, đồng thời ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp theo quy định tại khoản 7 Điều 114 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 mới đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của bà N1 và bà H1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 343 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng nghị số 91/QĐ-VKS-DS ngày 24/4/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 202/2022/DS-PT ngày 03/10/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang và bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 23/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang giải quyết sơ thẩm lại vụ án theo quy định pháp luật.

Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh Kiên Giang (để biết);
- TAND thành phố PQ (để biết);
- CTHADS thành phố PQ (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng GDKTII, HSVA, THS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Cường